

Số: **111 /2022/QĐST-HNGĐ**

*Phong Điền, ngày 28 tháng 9 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 86/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn T, xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Trần H, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn T, xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2022;

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con: Các đương sự xác nhận có 04 người con, họ và tên các con là Trần Quang H1, sinh ngày 10/10/1998; Trần Thị Thuỳ H2, sinh ngày 20/02/2000; Trần Thị Thuỳ D, sinh ngày 15/7/2007; Trần Thị Thuý K, sinh ngày 23/3/2012, các đương sự thoả thuận:

Đối với Trần Quang H1 và Trần Thị Thuỳ H2 đều đã trên 18 tuổi, các cháu đều khoẻ mạnh và phát triển bình thường, hiện đã tự lo được cuộc sống cho bản thân nên các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Đối với cháu Trần Thị Thuỳ D và cháu Trần Thị Thuý K trên cơ sở nguyện vọng của hai cháu, các đương sự thoả thuận:

Giao cháu Trần Thị Thuỳ D và cháu Trần Thị Thuý K cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 9/2022 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

2.3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đề cập.

2.4. Về án phí sơ thẩm: Do các đương sự thoả thuận được với nhau nên số tiền án phí ly hôn phải nộp là 150.000.đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Các đương sự thoả thuận để chị Trần Thị T chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Chị M đã nộp tạm ứng án phí là 300.000.đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0001982 ngày 26-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền nên được khấu trừ và trả lại cho chị M số tiền còn thừa là 150.000.đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND H.Phong Điền;
- THADS H.Phong Điền;
- UBND xã PC;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án HNGĐ.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Hồ Xuân Đàm**